

Số: 337/QĐ-ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 8 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ đại học  
của Trường Đại học Trung Vương

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ - TTg ngày 18/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trung Vương;

Căn cứ Quyết định số 124A/QĐ-ĐHTV ngày 03/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Trung Vương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trung Vương;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-ĐHTV ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Trung Vương;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Trung Vương ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-ĐHTV ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trung Vương.

1. Khoản 4 Điều 8 sửa thành:

“4. Thời khóa biểu học kỳ

a) Phòng Đào tạo lập Thời khóa biểu dự kiến để sinh viên đăng ký và hoàn thiện về thời gian, địa điểm học tập của các lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo; Khoa chuyên môn lựa chọn, phân công giảng viên đủ các điều kiện theo quy định của Trường, bố trí giảng viên dạy các lớp ghi trong Thời khóa biểu, cùng với Phòng Đào tạo đề xuất Ban Giám hiệu phê duyệt;

b) Thời khóa biểu của các lớp học phân bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày;

c) Khoa chuyên môn thông báo cho các đơn vị, đối tác liên quan và người học ít nhất 02 tuần trước khi bắt đầu học kỳ.”

2. Khoản 2 Điều 9 sửa thành:

“2. Phòng Đào tạo kiểm tra điều kiện nhập học, trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận là sinh viên chính thức của Trường. Phòng Công tác sinh viên cung cấp cho sinh viên:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Sổ tay sinh viên;
- c) Tài khoản để truy cập cổng thông tin và hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống đăng ký học tập của Trường;
- d) Thông tin về cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm;
- đ) Thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình đào tạo, Quy chế này, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.”

3. Điểm a khoản 2 Điều 15 sửa thành:

“a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

Điểm chữ	Điểm theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm theo thang điểm 10
A	Từ 8,5 đến 10,0	C+	Từ 6,5 đến 6,9
B+	Từ 8,0 đến 8,4	C	Từ 5,5 đến 6,4
B	Từ 7,0 đến 7,9	D+	Từ 5,0 đến 5,5
		D	Từ 4,0 đến 4,9”

4. Đoạn đầu của Điểm đ khoản 2 Điều 15 sửa thành:

“đ) Các điểm A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:”

5. Ý thứ nhất của Điểm h khoản 2 Điều 15 sửa thành:

“Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

- Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B+, B, C+, C, D+, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt;”

6. Điểm a khoản 1 Điều 16 sửa thành:

“a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt một trong các điểm A, B+, B, C+, C, D+, D. Nhưng vẫn được đăng ký học các học phần ở học kỳ tiếp theo.”

7. Khoản 2 Điều 16 sửa thành:

“2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác để cải thiện điểm đối với các học phần có điểm D hoặc D+ để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Khi đăng ký học cải thiện điểm, sinh viên được bảo lưu điểm đánh giá bộ phận (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra học phần), được lấy điểm cao nhất trong các lần thi. Việc học và thi cải thiện điểm không áp dụng đối với sinh viên học kỳ cuối cùng của khóa học.”

8. Điểm d khoản 1 Điều 17 sửa thành:

“d) Để tính điểm trung bình cho sinh viên các khóa/lớp đào tạo theo tín chỉ, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số theo thang điểm 4, như sau:

Điểm chữ	Điểm quy đổi theo thang điểm 4	Điểm chữ	Điểm quy đổi theo thang điểm 4
A	4	C	2
B+	3,5	D+	1,5
B	3	D	1
C+	2,5	F	0

Đối với khóa/lớp đào tạo theo niên chế, sử dụng thang điểm 10 để tính các điểm trung bình dựa trên các điểm học phần theo thang điểm 10.”

9. Khoản 4 Điều 17 sửa thành:

“4. Xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Đối với lớp đào tạo theo tín chỉ:

Xếp loại học lực	Thang điểm 4	Xếp loại học lực	Thang điểm 4
Xuất sắc	3,6 đến 4,0	Trung bình khá	2,3 đến 2,4
Giỏi	3,2 đến 3,5	Trung bình	2,0 đến 2,2
Khá	2,5 đến 3,1	Yếu	1,0 đến 1,9
		Kém	Dưới 1,0

b) Đối với lớp đào tạo theo niên chế:

Xếp loại học lực	Thang điểm 10	Xếp loại học lực	Thang điểm 10
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Trung bình khá	Từ 6,5 đến 6,9
Giỏi	Từ 8,0 đến 8,9	Trung bình	Từ 5,0 đến 6,4
Khá	Từ 7,0 đến 7,9	Yếu	Từ 4,0 đến 4,9
		Kém	Dưới 4,0

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để th/hiện);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT, TTr-PC



Nguyễn Huy Oanh